UED Journal of Social Sciences, Humanities & Education, ISSN: 1859 - 4603
https://doi.org/10.47393/jshe.vol16.i1.4014

TẠP CHÍ KHOA HỌC XÃ HỘI, NHÂN VĂN VÀ GIÁO DỤC

NHỮNG TRUYỀN THUYẾT VỆ TINH VỀ MẸ THIÊN Y A NA TRONG TRUYỆN KỂ DÂN GIAN KHÁNH HÒA

Trần Thị Kim Thu
Trường Đại học Khánh Hòa
Tác giả liên hệ: Trần Thị Kim Thu - Email: tranthikimthu@ukh.edu.vn
Ngày nhận bài: 16-4-2026; ngày nhận bài sửa: 29-5-2026; ngày duyệt đăng: 10-6-2026

Tóm tắt: Bài viết khảo sát hệ thống truyền thuyết về Thiên Y A Na ở Khánh Hòa, tập trung phân tích một số đặc trưng nổi bật nhóm truyền thuyết vệ tinh trong quan hệ với truyền thuyết trung tâm. Trên cơ sở tiếp cận hệ thống và phân tích thi pháp truyện kể dân gian, bài viết chỉ ra rằng các truyền thuyết vệ tinh không chỉ là phần bổ sung cho truyền thuyết trung tâm mà còn là chuỗi truyện kể quan trọng góp phần kiến tạo không gian thiêng, địa phương hóa hình tượng thần linh và duy trì ký ức văn hóa cộng đồng. Qua đó, hệ thống truyền thuyết về Thiên Y A Na được nhìn nhận như một cấu trúc tự sự mở, phản ánh sự tương tác giữa truyện kể dân gian và thực hành tín ngưỡng ở Khánh Hòa.

Từ khóa: Thiên Y A Na; truyền thuyết; trung tâm; vệ tinh; văn hóa dân gian Khánh Hòa.

1. Đặt vấn đề

Khánh Hòa (trong bài viết này được hiểu là địa bàn Khánh Hòa cũ, trước tháng 7/2025) là vùng đất có lịch sử giao thoa văn hóa lâu dài, nơi người Chăm sinh sống từ sớm và người Việt đến định cư từ năm 1653 trong tiến trình Nam tiến. Trải qua hơn ba thế kỷ cộng cư và tiếp biến, các tộc người đã tạo nên một nền văn hóa dân gian phong phú, trong đó hệ thống truyền thuyết giữ vị trí nổi bật. Trong bối cảnh đó, hình tượng nữ thần Pô Nagar hay mẹ Thiên Y A Na không chỉ là trung tâm tín ngưỡng mà còn là hạt nhân của một hệ thống truyền thuyết kết chuỗi, tiêu biểu cho quá trình giao lưu và Việt hóa ở Khánh Hòa.

Các nghiên cứu trước đây, chẳng hạn *Non nước Khánh Hòa (*Nguyễn, 2013*), Xứ Trầm Hương* (Quách, 2018) chủ yếu tập trung vào nguồn gốc, đặc điểm thể loại và ý nghĩa tín ngưỡng của truyền thuyết Thiên Y A Na. Tuy nhiên, phần lớn các nghiên cứu dừng lại ở các truyền thuyết trung tâm, chưa chú ý đầy đủ đến hệ thống truyện kể vệ tinh. Bài viết này nhằm giải quyết hai vấn đề đặt ra: (1) Truyền thuyết vệ tinh trong hệ thống truyện kể về Thiên Y A Na được nhận diện theo những tiêu chí nào? (2) Nhóm truyện này thể hiện những đặc trưng thi pháp gì trong mối quan hệ với truyền thuyết trung tâm? Từ đó, bài viết góp phần làm rõ cách thức tạo lập cấu trúc và cách thể hiện nội dung, ý nghĩa của truyện kể dân gian từ trung tâm đến ngoại vi.

Cite this article as: Tran, T. K. T. (2026). Satellite legends of the holy mother Thien Y A Na in the folk narratives of Khanh Hoa. *UED Journal of Social Sciences, Humanities and Education*, *16*(01), 65-75.
https://doi.org/10.47393/jshe.vol16.i1.4014

2. Nội dung

2.1. Cơ sở lý luận

2.1.1. Cơ sở lý thuyết và hướng tiếp cận

Bài viết vận dụng hướng tiếp cận liên ngành, kết hợp chặt chẽ giữa mô hình hệ thống trung tâm - ngoại vi với thi pháp học tự sự dân gian.

Trong chỉnh thể này, tiếp cận hệ thống đóng vai trò định hình khung về không gian và cấu trúc, còn thi pháp học giữ vai trò là công cụ thao tác trực tiếp trên văn bản truyện kể. Trước hết, về khung lý thuyết hệ thống và

không gian văn hóa, nghiên cứu dựa trên Lý thuyết đa hệ thống (Polysystem Theory) của Itamar Even-Zohar. Từ góc nhìn này, hệ thống truyền thuyết về mẫu thần được nhìn nhận như một cấu trúc động, mang tính phân tầng và liên tục tương tác. Trong đó, vùng trung tâm bảo lưu các mô hình chuẩn mực, mang tính chính thống; ngược lại, vùng ngoại vi là một không gian linh hoạt, mở ra các quá trình tiếp biến, phản hồi và tái cấu trúc văn bản (Even-Zohar, 2014). Nhằm cụ thể hóa lý thuyết này vào bối cảnh folklore Việt Nam, bài viết tiếp thu Lý thuyết trung tâm và ngoại vi trong nghiên cứu không gian văn hóa của Ngô Đức Thịnh (2007). Cách tiếp cận này khẳng định ngoại vi không chỉ tiếp nhận thụ động, mà có sức phản hồi mạnh mẽ, thậm chí trở thành nơi lưu giữ những giá trị nguyên bản hoặc sáng tạo nên các đặc trưng văn hóa - tín ngưỡng độc đáo của địa phương, từ đó thúc đẩy trung tâm liên tục cập nhật và làm giàu giá trị.

Trên cơ sở đó, thi pháp học tự sự dân gian (Trần Đình Sử, 2008), (Nguyễn, 2003) được xác lập làm điểm tựa phương pháp để khảo sát hệ thống truyền thuyết. Hướng tiếp cận này cho phép giải mã các tác phẩm folklore không chỉ ở bình diện nội dung biểu hiện, mà chủ yếu đi sâu vào phương thức tổ chức tự sự như mô hình cốt truyện, cấu trúc thời gian, không gian thiêng, hệ thống nhân vật và ngôn ngữ nghệ thuật. Từ điểm nhìn thi pháp, các truyền thuyết vệ tinh không tồn tại biệt lập mà được xem như những biến thể thi pháp của một hạt nhân tự sự ổn định, nơi một mô hình biểu tượng chung được triển khai linh hoạt qua các bối cảnh lịch sử và không gian văn hóa khác nhau.

Trên nền tảng giao thoa lý thuyết nêu trên, bài viết tiến hành thao tác hóa cặp khái niệm công cụ: Truyền thuyết trung tâm và Truyền thuyết vệ tinh.

Xét về bản chất tự sự, hạt nhân cốt lõi của truyền thuyết trung tâm có thể xem như một dạng mythologem (hạt nhân huyền thoại) theo cách tiếp cận tâm lý học chiều sâu của Carl G. Jung (1949) - tức là nơi kết tinh các nguyên mẫu sâu kín của tâm thức cộng đồng, giữ nguyên cốt lõi tâm lý bất biến dù hình thức biểu hiện bên ngoài có dịch chuyển theo thời gian. Khi đi vào đời sống folklore và dòng chảy lịch sử, hạt nhân này hình thành nên truyền thuyết trung tâm.

Đối sánh với nó, hệ thống truyền thuyết vệ tinh vận hành tương đồng với khái niệm "chuỗi truyền thuyết" (legend cycle). Theo *Từ điển Bách khoa toàn thư*, chuỗi truyền thuyết được định nghĩa là "*một loạt các truyền thuyết xoay quanh một truyền thuyết trung tâm*" (*Từ điển Bách khoa toàn thư,* Mục từ *Chuỗi truyền thuyết*). Như vậy, truyền thuyết vệ tinh cấu thành một tiểu hệ thống gồm nhiều mẩu chuyện, dị bản hoặc các truyện kể nhỏ tồn tại song hành, gắn kết chặt chẽ nhằm làm sáng tỏ, bổ sung, thậm chí phản hồi lại truyền thuyết trung tâm. Các văn bản vệ tinh này thường tập trung vào các chủ đề cụ thể như dòng dõi, chiến công phụ, hoặc lý giải các dấu tích địa danh, am tháp tại từng vùng đất, tạo nên tính chất mở và cấu thành tiến trình địa phương hóa sinh động của hình tượng mẫu thần trong tâm thức cư dân Khánh Hòa.

2.1.2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết vận dụng các phương pháp nghiên cứu của khoa học văn học và văn hóa dân gian với phân tích thi pháp kết hợp tiếp cận hệ thống làm trục chính. Tư liệu được thu thập từ các nguồn đã công bố, đồng thời đối chiếu dị bản để nhận diện hệ thống truyền thuyết về Thiên Y A Na ở Khánh Hòa. Trên cơ sở đó, phương pháp phân tích - tổng hợp được sử dụng để phân loại truyện kể thành hai nhóm trung tâm và vệ tinh.

Trọng tâm nghiên cứu là phân tích thi pháp truyền thuyết vệ tinh trên các phương diện cấu trúc tự sự, nhân vật, không gian, thời gian, ngôn ngữ và yếu tố kỳ ảo; kết hợp so sánh với truyền thuyết trung tâm nhằm làm rõ quan hệ tương tác giữa hai lớp truyện. Đồng thời, cách tiếp cận liên ngành văn học - văn hóa được vận dụng để lý giải truyện kể trong bối cảnh tín ngưỡng thờ Mẫu và giao lưu, tiếp biến Việt - Chăm từ trung tâm đến ngoại vi.

Qua đó, truyền thuyết về Thiên Y A Na được nhìn nhận như một hệ thống tự sự có cấu trúc và tính động, phản ánh đời sống văn hóa và tư duy nghệ thuật của cộng đồng địa phương.

2.2. Hệ thống truyền thuyết về Thiên Y A Na - từ trung tâm đến vệ tinh

2.2.1. Truyền thuyết trung tâm

Tôn vinh Bà mẹ xứ sở là một nội dung chủ đạo của truyền thuyết Khánh Hòa, trong đó hình tượng Thiên Y A Na giữ vị trí trung tâm trong đời sống tinh thần cư dân địa phương. Hệ thống truyền thuyết về Bà là một hệ thống truyền thuyết gồm hai lớp: trung tâm và vệ tinh với số lượng phong phú.

Truyền thuyết trung tâm giữ vai trò hạt nhân tự sự của toàn hệ thống, tập trung kiến tạo thần tích và định hình mô hình biểu tượng của Bà mẹ xứ sở. Truyền thuyết trung tâm về Thiên Y A Na được nhận diên qua một số tiêu chí như mang tính chính thống hoặc được bảo chứng bằng văn bản lịch sử; có địa bàn gắn liền với trung tâm Tháp Bà, Am Chúa; sở hữu cấu trúc tự sự vĩ mô về sự sáng thế; phản ánh trọn vẹn bước chuyển dịch biểu tượng văn hoá từ thần linh thị tộc Chăm sang Thánh Mẫu của người Việt. Thời kì đầu tạo lập vùng đất Kau Thara (Nha Trang ngày nay), đồng bào Chăm cổ có nhiều cách kể chuyện về Bà như các dị bản *Truyền thuyết Bà Nagar* (Lê, 1998), *Truyền thuyết Nữ thần Pô Nagar* (Nguyễn, 1974), *Truyền thuyết Pô Inư Na gar* (Nguyễn, 1974). Điểm chung các truyện này là Bà được khắc họa như một nữ thần sáng thế, người tạo lập thế giới, sinh ra muôn loài và khai sáng cho nhân dân. Nội dung truyện khá tương đồng như: Pô Nagar là một nữ thần người Chăm, được trời sai xuống trần gian để tạo ra quả đất, vạn vật và muôn loài. Bà lấy chồng, sinh con và hay đi đây đó để vun đắp tình yêu thương, giúp đỡ nhân dân làm nhà, trồng lúa, dệt vải. Sau khi hoàn thành trọng trách, bà bay về trời nghỉ ngơi. Mặc dù cách kể mang dấu ấn tư duy thần thoại sáng thế kí của người Chăm nhưng về bản chất các truyện đã được chuyển hóa thành truyền thuyết lịch sử bởi hiện tượng "*những mảnh vụn của tư duy thần thoại ánh lại tia hồi quang vào cảm thức lịch sử ở đời sau*" (Hồ, 2003).

Khi người Việt đến vùng đất Khánh Hòa, hình tượng Bà tiếp tục được tiếp nhận và tái cấu trúc theo hệ giá trị văn hóa mới. Với lòng tôn kính, cảm hứng lý tưởng hóa và khát vọng nhân văn về một người mẹ mới ban phước lành nơi miền đất xa lạ, nhân dân đã chuyển hình tượng Bà mẹ thị tộc Chăm thành Bà mẹ xứ sở của người Việt trong các truyền thuyết trung tâm. Các dị bản *Nàng Qua Lệ Nương* (Nguyễn, 1990), *Bà Thiên Y A Na* (Quách, 2002) được ra đời sau, không chỉ Việt hoá nhân vật mà dấu ấn thể loại truyền thuyết rõ hơn, đậm yếu tố lịch sử và nhân bản. Đặc biệt, bản kể *Bà Thiên Y A Na Thánh Mẫu* khắc tại bia đá ở Tháp Bà do Lễ bộ Thượng thư Phan Thanh Giản soạn năm 1858 được xem là bản phổ biến nhất, minh chứng tiêu biểu cho quá trình Việt hóa và lịch sử hóa hình tượng thần linh bản địa. Các truyện này chủ yếu kể Bà tái sinh trong thân thế một cô bé mồ côi đáng thương, được ông bà lão hiếm con ở núi Đại An đem về nuôi. Bà nên duyên với thái tử Bắc Hải, sinh được hai người con một trai, một gái. Thời gian sau, Bà cùng hai con quay trở lại quê hương, dạy dân cày cấy, kéo vải dệt sợi và đặt ra lễ nghi. Rồi một năm vào ngày lành tháng tốt, Bà cùng hai con lên lưng hạc bay về trời.

Xét về đặc trưng, mỗi nền văn hóa, mỗi truyện kể tuy khác biệt về sự việc, chi tiết nhưng thống nhất ở các mô típ về thần tích cốt lõi của nhân vật như nguồn gốc kỳ diệu, công lao khai hóa và quyền năng bao trùm. Hình tượng Bà hiện lên như một người mẹ nhân ái, bao dung, không phân biệt những đứa con đến sau, sẵn lòng ban những điều tốt đẹp để giáo hóa, bảo trợ cho dân làm nghề và cùng dân gây dựng vùng đất ngày càng giàu đẹp. Chính những yếu tố này của nhóm truyền thuyết trung tâm đã tạo nên một mô hình biểu tượng ổn định, làm nền tảng cho sự phát sinh của các truyền thuyết vệ tinh.

2.2.2. Truyền thuyết vệ tinh

Một hiện tượng hiếm thấy nữa của văn học dân gian Khánh Hòa là bên cạnh nhóm truyền thuyết trung tâm còn tồn tại một hệ thống chuỗi truyền thuyết vệ tinh do người Việt kể vô cùng phong phú, đặc sắc và không giới hạn. Đây là những tự sự không còn tập trung vào thần tích hay nguồn gốc nhân vật, mà chủ yếu phản ánh hành trạng hiển linh của nữ thần Thiên Y trong những bối cảnh lịch sử - văn hóa cụ thể, gắn bó với đời sống cư dân địa phương. Sự xuất hiện của lớp truyện này cho thấy hệ thống truyền thuyết về Bà mẹ xứ sở không phải là một cấu trúc khép kín, mà luôn vận động, mở rộng thông qua quá trình bổ sung các biến thể tự sự.

Dựa vào nội dung và chức năng, có thể nhận diện truyền thuyết vệ tinh qua ba tiêu chí cơ bản: không tập trung vào nguồn gốc và thần tích nhân vật; gắn với địa danh, sự kiện, hiện tượng cụ thể; có quan hệ hướng tâm với hình tượng Thiên Y A Na. Trên cơ sở khảo sát tư liệu, có thể phân thành ba dạng chính sau: (1) Giải thích địa danh, (2) có hành trạng hiển linh, (3) gắn với sự kiện/ giai đoạn lịch sử. Kết quả thống kê cụ thể được trình bày trong bảng dưới đây:

TT	Phổ biến ở địa phương	Tên truyền thuyết, nguồn truyện	Nội dung cơ bản	Giải thích địa danh (1)	Có hành trạng hiển linh (2)	Gắn với sự kiện/ giai đoạn lịch sử (3)
1	Vạn Ninh	*Truyền thuyết Gành Bà* (Lê Văn Thiện, *Chập chùng núi đá Tân Dân)*	Là nơi ở của Bà, Bà hay xuất khỏi động đá rồi tan vào bọt biển vào những đêm rằm, mồng một hàng tháng.	x	x	
2	Ninh Hoà	*Truyền thuyết ngôi miếu dưới chân Đèo Bánh Ít* (Hoàng Lê, *Sự tích và truyền thuyết dân gian*)	Bà linh ứng lời khấn của vua Thành Thái, sai khiến cọp dữ Đèo Bánh Ít tới trình diện để vua trừng trị tội phá hoại nhân dân.	x	x	x
3		*Truyền thuyết Miếu Chuột* (Hoàng Lê, *Sự tích và truyền thuyết dân gian*)	Bà giúp dân Ninh Đa xua đuổi lũ chuột phá hoại mùa màng.	x	x	
4		*Truyền thuyết Hòn Dữ* (Quách Tấn, *Xứ Trầm Hương*)	Nơi núi cao, hang sâu, có sân rộng Bà hay ngồi nghỉ ngơi, có chim thú hầu hạ, quét dọn sạch sẽ, có quỷ thần canh giữ không ai dám đến mạo phạm.	x	x	
5		*Truyền thuyết Ao Bà* (Nguyễn Đình Tư, *Non nước Khánh Hoà*)	Nơi Bà thường ghé thăm mỗi khi du hành, có thác nước đổ xuống ao to, hang động chứa được rất nhiều người.	x	x	
6	Nha Trang	*Truyền thuyết Đền Quá Quan* (Quách Tấn, *Xứ Trầm Hương*)	Là cửa quan Bà qua lại và nghỉ chân lúc hạ phàm	x	x	
7		*Truyền thuyết Hòn Đá Chữ* (Quách Tấn, *Xứ Trầm Hương*)	Bà khắc chữ vào tảng đá lớn ở cửa biển Sông Cái đánh đắm thuyền cảnh báo đội quân Thái tử Bắc Hải hại dân, đồng thời răn đe kẻ có quyền thế không lợi dụng uy danh Bà gây điều ác.	x	x	
8		*Truyền thuyết Đèo Rọ Tượng* (Nguyễn Đình Tư, *Non nước Khánh Hoà*)	Bà Thiên Y chỉ cho dân cách đào hầm to đặt bẫy cho voi dữ sụp lỗ như nhốt vào rọ để bắt chúng, trừ hại cho dân.	x	x	
9		*Truyền thuyết Núi Hoàng Ngưu* (Quách Tấn, *Xứ Trầm Hương*)	Bà Thiên Y báo mộng mách quan trấn thủ thành Diên Khánh cách gài bẫy bắt cọp chúa trăm năm ba chân ở núi Hoàng Ngưu	x	x	x
10		*Truyền thuyết điện Thiên Y ở chùa Sắc Tứ*	Bà mộng báo cho thầy trụ trì Thích Thiện Khánh miếu thờ Thiên Y lâu		x	

TT	Phổ biến ở địa phương	Tên truyền thuyết, nguồn truyện	Nội dung cơ bản	Giải thích địa danh (1)	Có hành trạng hiển linh (2)	Gắn với sự kiện/ giai đoạn lịch sử (3)
		Liên Hoa (Hoàng Lê, *Sự tích và truyền thuyết dân gian*)	nay bị che khuất không ai biết, cần phải sửa sang.			
11		*Truyền thuyết Núi Sinh Trung và Đầm Xương Huân* (Nguyễn Đình Tư, *Non nước Khánh Hoà*)	Nơi Bà giáng thế, sấm trời nổi dậy, vô tình làm con cù sanh nằm đó từ khai thiên lập địa giật mình tỉnh giấc, hất tung đất đá, tạo thành núi và đầm.	x	x	
12		*Chuyện Bà Thiên Y che chở ga Nha Trang thoát mưa bom* (Nguyễn Đình Tư, *Non nước Khánh Hoà*)	Người dân tin rằng những trận mưa bom quân Nhật dội xuống ga Nha Trang trong thế chiến thứ Hai đều không nổ, không ai bị thương vong là nhờ sự che chở của mẹ Thiên Y.		x	x
13		*Chuyện Bà Thiên Y cứu thành phố tránh khỏi máy bay rơi* (Nguyễn Đình Tư, *Non nước Khánh Hoà*)	Bà xuất hiện với bộ đồ xanh tha thướt bay theo dìu chiếc máy bay địch thẳng lên Hòn Ngang rồi mới rơi xuống đất, tránh cho dân Nha Trang khỏi mưa bom của quân Nhật trong thế chiến thứ Hai.		x	x
14	Diên Khánh	*Truyền thuyết Núi Chúa* (Nguyễn Đình Tư, *Non nước Khánh Hoà*)	Là vùng núi Bà sống từ bé với cha mẹ nuôi. Về sau, mỗi khi Bà giáng thế về xứ Trầm Hương bà đều ghé thăm chốn cũ.	x	x	
15		*Truyền thuyết Suối Đổ* (Quách Tấn, *Xứ Trầm Hương*)	Nơi Bà Thiên Y ngồi hóng mát và nghỉ chân gần dòng suối lúc vân du.		x	
16		*Chuyện Bà Thiên Y hiển linh tại Phủ đường Diên Khánh* (Hoàng Lê, *Sự tích và truyền thuyết dân gian*)	Tại Phủ đường Diên Khánh, Bà hiển linh trong giấc mộng, nhờ quan Bố chánh thành Diên Khánh là Nguyễn Văn Mại tạc một bức tượng gỗ của bà để nhân dân thờ phụng tại Am Chúa.		x	x
17	Cam Lâm	*Truyền thuyết Hòn Bà* (Nguyễn Đình Tư, *Non nước Khánh Hoà*)	Nơi hành cung rất kì vĩ và mát mẻ của Bà Thiên Y mỗi lần ngự giá.	x	x	
18	Cam Ranh	*Truyền thuyết Hòn Chuông* (Quách Tấn, *Xứ Trầm Hương)*	Là trạm nghỉ chân khi Bà ở Núi Chúa vào nam hay ở nam trở về Núi Chúa. Mỗi khi bà xuất hiện, tiếng chuông ngân vang như tiếng vàng tiếng ngọc.	x	x	

Từ bảng thống kê trên, có thể khái quát về đặc điểm cấu trúc và cách thức tổ chức của hệ thống truyền thuyết vệ tinh Thiên Y A Na.

Trước hết, xu hướng địa danh hóa giữ vai trò nổi bật. 13/18 truyền thuyết (72,2%) gắn trực tiếp với giải thích địa danh. Xét về phân bố không gian, các truyền thuyết vệ tinh xuất hiện ở hầu khắp các địa phương của Khánh Hòa (cũ) như Vạn Ninh, Ninh Hòa, Nha Trang, Diên Khánh, Cam Lâm, Cam Ranh…, cho thấy khả năng lan tỏa rộng và mức độ thích nghi địa phương cao của hệ thống truyện kể này. Mỗi truyền thuyết là một cách nhân dân lưu giữ sự có mặt của Mẹ xứ sở trên quê hương. Các địa danh như như Núi Chúa, Đèo Bánh Ít, Hòn Bà, Suối Đỗ, Phủ đường Diên Khánh… không chỉ là nơi diễn ra câu chuyện phản ánh dấu tích hiện diện của Thiên Y A Na mà còn là phương tiện lưu giữ ký ức văn hóa cộng đồng. Nhờ đó, không gian tự nhiên và không gian cư trú của cư dân được thiêng hóa, trở thành một bản đồ tâm linh của vùng đất Khánh Hòa.

Thứ hai, hành trạng hiển linh là trục nội dung trung tâm của các truyền thuyết vệ tinh. Trong 18/18 truyền thuyết (100%) gắn với hành trạng hiển linh, Bà mẹ xuất hiện như một lực lượng siêu nhiên can thiệp trực tiếp vào đời sống cư dân như giúp dân trừ các loài thú dữ như cọp, voi, chuột (*Truyền thuyết ngôi miếu dưới chân Đèo Bánh Ít*, *Truyền thuyết Đèo Rọ Tượng, Truyền thuyết miếu chuột*); bảo vệ sản xuất, che chở cộng đồng (*Chuyện Bà Thiên Y cứu thành phố tránh khỏi máy bay rơi, Chuyện Bà Thiên Y che chở ga Nha Trang thoát mưa bom)* hoặc trừng phạt những hành vi sai trái (*Truyền thuyết Hòn Dữ, Truyền thuyết Hòn Đá Chữ*). Điều này phản ánh quá trình thần linh hóa mạnh mẽ hình tượng Thiên Y A Na và niềm tin dân gian về khả năng che chở của nữ thần. Sự chuyển dịch từ mô hình thần sáng thế trong truyền thuyết trung tâm sang mô hình thần hộ mệnh trong truyền thuyết vệ tinh làm cho hình tượng Bà trở nên gần gũi và gắn bó mật thiết hơn với đời sống tín ngưỡng của nhân dân.

Thứ ba, 5/18 truyền thuyết (27,7%) có liên hệ trực tiếp với sự kiện lịch sử cho thấy tuy không đóng vai trò trung tâm nhưng yếu tố này có xu hướng cụ thể hóa hơn như gắn với chiến tranh, triều Nguyễn hay biến động xã hội địa phương. Một số truyện gắn với nhân vật và sự kiện lịch sử xác định như vua Thành Thái, quan chức triều Nguyễn (*Truyền thuyết ngôi miếu dưới chân Đèo Bánh Ít, Chuyện Bà Thiên Y hiển linh tại Phủ đường Diên Khánh)*, hoặc các biến cố trong chiến tranh thế giới thứ Hai (*Chuyện Bà Thiên Y cứu thành phố tránh khỏi máy bay rơi, Chuyện Bà Thiên Y che chở ga Nha Trang thoát mưa bom*). Khi chức năng tín ngưỡng lấn át chức năng ghi nhớ lịch sử thì truyền thuyết Thiên Y A Na thiên về kiến tạo niềm tin cộng đồng hơn là phản ánh hiện thực dân tộc. Đáng chú ý, ngay cả những sự kiện mang tính hiện đại vẫn được huyền thoại hóa thông qua sự can thiệp của Mẹ. Điều này cho thấy truyền thuyết vệ tinh không chỉ phản ánh quá khứ xa xưa mà còn tiếp tục được sản sinh và tái tạo trong những bối cảnh lịch sử muộn hơn.

Một đặc điểm quan trọng khác là sự chồng lấn chức năng giữa các nhóm truyện. Nhiều truyền thuyết không chỉ thuộc một loại hình duy nhất mà đồng thời gắn với địa danh, hành trạng hiển linh và sự kiện lịch sử. Sự giao thoa này cho thấy việc phân loại chỉ mang tính tương đối, đồng thời phản ánh tính linh hoạt của cấu trúc truyền thuyết vệ tinh, nơi một tự sự có thể đảm nhiệm nhiều chức năng khác nhau trong đời sống văn hóa.

Từ những đặc điểm trên, có thể thấy, truyền thuyết vệ tinh không chỉ là phần bổ sung của hệ thống mà còn mở rộng, duy trì và tái tạo hình tượng Thiên Y A Na trong đời sống văn hóa địa phương. Nếu các truyền thuyết trung tâm giữ vai trò định hình mô hình biểu tượng, thì các truyền thuyết vệ tinh đảm nhiệm chức năng cụ thể hóa, lịch sử hóa và địa phương hóa hình tượng ấy. Chính sự tương tác giữa hai lớp truyện này đã tạo nên một cấu trúc truyền thuyết mang tính mở, vận động linh hoạt và có khả năng thích ứng với nhiều bối cảnh văn hóa - xã hội khác nhau. Hệ thống truyền thuyết kết chuỗi về Bà cũng là hiện tượng khẳng định khả năng tiếp biến linh hoạt và sức sáng tạo dồi dào của người Việt trên xứ sở trầm hương.

2.3. Một số đặc trưng nổi bật của truyền thuyết vệ tinh về Thiên Y A Na

2.3.1. Chuyển đổi mô hình tự sự, từ thần tích sáng thế đến hành trạng hiển linh

Về mô hình tự sự, đặc trưng nổi bật nhất của hệ thống truyền thuyết vệ tinh là sự chuyển dịch từ mô hình tự sự khởi nguyên sang mô hình hành trạng. Nếu truyền thuyết trung tâm tập trung vào nguồn gốc và công lao sáng tạo của nữ thần Pô Inư Nagar, thì các truyền thuyết vệ tinh thường tái hiện sự hiện diện liên tục của Mẹ trong đời sống lịch sử cộng đồng. Là lớp truyện ra đời muộn, truyền thuyết vệ tinh vận động theo xu hướng lịch sử hóa và đời sống hóa, nên cũng có nội dung phản ánh tự do, sáng tạo hơn. Các truyền thuyết vệ tinh hầu như không còn quan tâm đến thần tích mà chuyển trọng tâm sang hành trạng

hiển linh của Bà trong tiến trình lịch sử cụ thể. Đây là kết quả của quá trình vận động nội tại của thể loại, khi tư duy thần thoại dần nhường chỗ cho tư duy lịch sử và kinh nghiệm sống của cộng đồng cư dân Việt đến sau.

Trong các truyện kể này, nhân vật Mẹ xứ sở dù đã hóa về trời vẫn thường xuyên trở lại trần gian với tư cách một lực lượng siêu nhiên che chở, bảo vệ và can thiệp trực tiếp vào đời sống con người. Mỗi câu chuyện gắn với một sự kiện, một hoàn cảnh cụ thể của cư dân trong quá trình khai phá và định cư trên đất Khánh Hòa. Bà giúp dân trừ nạn chuột phá hoại mùa màng (*Truyền thuyết Miếu Chuột)*, chỉ cách đối phó với voi dữ, cọp dữ (*Truyền thuyết Đèo Rọ Tượng, Truyền thuyết Núi Hoàng Ngưu)*, hiển linh che chở ga Nha Trang và nhân dân thoát mưa bom hay máy bay rơi trong chiến tranh (*Chuyện Bà Thiên Y che chở ga Nha Trang thoát mưa bom, Chuyện Bà Thiên Y cứu thành phố tránh khỏi máy bay rơi)*. Chính sự chuyển đổi của truyện từ thần sáng thế sang thần hộ mệnh**,** từ không gian huyền thoại sang đời sống lịch sử cụ thể đã làm cho hình tượng Thiên Y A Na trở nên gần gũi, sống động hơn, đồng thời góp phần duy trì sự hiện diện liên tục của thần linh trong tâm thức cộng đồng qua nhiều thời kỳ.

Như vậy, nội dung của truyền thuyết vệ tinh cho thấy một sự chuyển dịch rõ rệt, từ thần sáng thế sang thần hộ mệnh**,** từ không gian huyền thoại sang đời sống lịch sử cụ thể của cộng đồng.

2.3.2. Địa danh hoá và thiêng hóa không gian vùng đất

Một đặc trưng nổi bật của hệ thống truyền thuyết vệ tinh về Thiên Y A Na là xu hướng địa danh hóa gắn với thiêng hóa không gian. Các truyện kể luôn gắn với những địa điểm cụ thể của Khánh Hòa, tạo nên kiểu không gian mang tính chất kép: vừa hiện thực, vừa linh thiêng. Mỗi truyền thuyết vì vậy trở thành một điểm thiêng, định vị sự hiện diện của Bà mẹ xứ sở trong không gian địa lý cụ thể.

Hệ thống truyện kể cho thấy hầu như mọi dạng địa hình Khánh Hòa - từ ao, gành, núi, đèo, suối, hòn, đảo đến đền miếu, thậm chí cả những công trình hiện đại như ga tàu, bệnh viện đều được bao phủ bởi dấu tích của Bà. Các địa danh gọi dân dã như Gành Bà, Hòn Dữ, Hòn Bà, Hòn Chuông đến Suối Đỗ, Đền Quá Quan đến tên đơn vị hành chính như xã Ninh Hưng - quận Ninh Hòa, quận Vĩnh Xương, Nha Trang… không chỉ là địa điểm tự nhiên, bối cảnh của câu chuyện mà còn là điểm linh ứng bao phủ lớp ý nghĩa văn hoá - tín ngưỡng.

Đáng chú ý, quá trình địa danh hóa này không chỉ dừng lại ở việc gắn tên truyện với địa điểm, mà còn thực hiện chức năng giải thích và hợp thức hóa thế giới. Nhiều truyện kể như những huyền thoại địa phương lý giải nguồn gốc hoặc đặc điểm của địa hình, cảnh quan hay gửi gắm những kinh nghiệm ứng xử với tự nhiên. Chẳng hạn, *Truyền thuyết Hòn Chuông* lý giải nguồn gốc địa hình của ngọn núi từ những âm thanh như chuông vang vọng trong trẻo, thánh thót như tiếng vàng tiếng ngọc mỗi khi Bà xuất hiện. *Truyền thuyết Hòn Đá Chữ* kể việc Bà tạc chữ trên đá để răn đe, cảnh tỉnh những kẻ có tâm địa xấu xa. *Truyền thuyết Đèo Rọ Tượng* thuật lại câu chuyện người dân bắt voi dữ dưới chân đèo bằng cách đào những hố bẫy khổng lồ, rồi nhốt chúng lại giống như nhốt vào trong rọ. Như vậy, địa danh trong các truyện không chỉ là không gian vật lý mà còn là không gian văn hóa, nơi tích hợp tri thức dân gian, ký ức lịch sử và niềm tin tâm linh.

Song song với đó là quá trình thiêng hóa không gian, được thể hiện qua các chi tiết miêu tả giàu tính tạo hình trong truyện kể. Những nơi Bà hiện diện thường được khắc họa với vẻ đẹp khác thường, kèm theo các dấu hiệu linh ứng như ánh sáng, âm thanh, luồng gió hương thơm. Chẳng hạn *Truyền thuyết Hòn Bà* miêu tả nơi Bà dừng chân rất có cảnh sắc hữu tình: "trên bờ hồ có tảng đá hoa cương to lớn dị thường và bằng phẳng như tấm ván ngựa,… trong núi có một vườn cam và vườn quýt trái rất nhiều và ngọt, gần hồ có cây kì nam to lớn phảng phất mùi hương…" (Nguyễn, 2003, p.45); *Truyền thuyết Hòn Dữ* khắc họa âm thanh ấn tượng, ánh sáng huyền diệu khi bà giáng thế: "sấm từ trong lỗ đá nổ lên ầm ầm ba tiếng vang dội tận ngàn xa. Rồi trên đầu non, hào quang bốc sáng cả bốn mặt" (Quách, 2002, p.67); *Truyền thuyết Hòn Chuông* nhấn mạnh âm thanh, ánh sáng đặc trưng báo hiệu: "Trong núi phát ra ánh hào quang sáng chói và nghe tiếng chuông ngân vang vừa trong vừa dài như tiếng vàng tiếng ngọc" (Quách, 2002, p.60). Những yếu tố này vừa tăng cường tính hấp dẫn tự sự, vừa góp phần kiến tạo một trường nghĩa linh thiêng bao quanh địa điểm.

Như vậy, qua địa danh hóa và thiêng hóa, các truyền thuyết vệ tinh đã chuyển hóa không gian địa lý thành không gian văn hóa - tâm linh, góp phần kiến tạo Khánh

Hòa như một bản đồ thiêng, nơi mỗi địa danh đồng thời là một ký ức văn hóa gắn với hình tượng Thiên Y A Na.

2.3.3. Cụ thể hóa thời gian và đồng hiện lịch sử

Về thời gian nghệ thuật, khác với kiểu thời gian huyền thoại phiếm chỉ, truyền thuyết vệ tinh Thiên Y A Na có xu hướng cụ thể hóa rõ rệt, gắn với những mốc thời gian và sự kiện lịch sử có thể xác định.

Các truyện kể không còn đặt trong một quá khứ mơ hồ mà thường quy chiếu đến những giai đoạn lịch sử cụ thể, đặc biệt thời Tây Sơn và nhà Nguyễn, ứng với dấu ấn sự kiện nhà Nguyễn vào Nam mở cõi trên đất Khánh Hòa cho đến thời kì cận hiện đại. Chẳng hạn, *Truyền thuyết núi Hoàng Ngưu* gắn với năm Đinh Tị, liên quan đến nhân vật Nguyễn Văn Thành: "Năm Đinh Tị (1797), buổi đầu triều Nguyễn trung hưng, trấn thủ thành Diên Khánh là Nguyễn Văn Thành mật cầu với Bà chúa để trừ cọp ba chân (Quách, 2002, p.43). Hay *Truyền thuyết Suối Đổ* kể sự kiện "năm 1963, trước khi Chánh phủ Ngô Đình Diệm sụp đổ mấy tháng, tự nhiên nổi lên ba tiếng sấm… liền có người nằm chiêm bao thấy thân linh mách bảo bà Thiên Y về suối ban phước cứu dân độ thế" (Quách, 2002, 106). *Truyền thuyết đền Quá Quan* nhắc các sự kiện thời nhà Nguyễn Gia Long nắm giữ giang sơn, xác định miếu thờ bà Thiên Y có từ khoảng năm 1735 thời Hậu Lê (Nguyễn, 2003, p.78).

Bên cạnh đó, nhiều truyện mở rộng đến cả bối cảnh Chiến tranh thế giới thứ Hai gắn với các địa danh hiện đại như ga Nha Trang, Tháp Bà, bệnh viện tỉnh (*Chuyện Bà Thiên Y cứu thành phố tránh khỏi máy bay rơi, Truyện bà Thiên Y A Na hiển linh tại phủ đường Diên Khánh*, *Chuyện Bà Thiên Y che chở ga Nha Trang thoát mưa bom*).

Sự hiện diện đồng thời của nhiều lớp thời gian khác nhau trong cùng một hệ thống truyện kể tạo nên kiểu thời gian đồng hiện, nơi quá khứ và hiện tại được kết nối trong một trục liên tục. Qua đó, hình tượng Thiên Y A Na được tái hiện như một thần linh luôn hiện diện xuyên suốt tiến trình lịch sử, không ngừng can dự và bảo trợ đời sống cộng đồng.

2.3.4. Nhận vật từ biểu tượng thần linh đến bình dân hóa và lịch sử hóa

Về thi pháp nhân vật, nếu trong truyền thuyết trung tâm, Thiên Y A Na mang tầm vóc của một vị thần sáng tạo siêu nhiên, mang tính biểu tượng, thì trong truyền thuyết vệ tinh, hình tượng này được bình dân hóa và chức năng hoá rõ rệt, trở thành một vị thần gần gũi, gắn bó mật thiết với đời sống thường nhật của cộng đồng.

Trước hết, Thiên Y A Na được tái hiện như một thần hộ mệnh thường trực, luôn hiện diện và can dự vào đời sống con người qua nhiều thời đại. Một mặt, Bà giúp dân vượt qua khó khăn sinh tồn từ môi trường tự nhiên khắc nghiệt, diệt cọp dữ hoành hành (*Truyền thuyết Núi Hoàng Ngưu, Truyền thuyết ngôi miếu dưới chân Đèo Bánh Ít*), trừ voi phá hoại (*Truyền thuyết Đèo Rọ Tượng*), dẹp nạn chuột bảo vệ mùa màng (*Truyền thuyết Miếu Chuột*). Mặt khác, Bà còn tiếp tục hiển linh trong bối cảnh lịch sử cận hiện đại, bảo vệ dân chúng trước tai hoạ chiến tranh, nhờ bà hiển linh che chở, dân Nha Trang vẫn được bình yên, tránh được cảnh tàn sát trong mưa bom, bão đạn hay xác máy bay rơi (*Chuyện Bà Thiên Y cứu thành phố tránh khỏi máy bay rơi, Chuyện Bà Thiên Y che chở ga Nha Trang thoát mưa bom*). Điều này cho thấy sự chuyển dịch từ thần vũ trụ sang thần hộ mệnh đời sống của hình tượng nhân vật Thiên Y A Na.

Bên cạnh chức năng bảo hộ, Bà còn đảm nhiệm vai trò như một thiết chế đạo đức siêu nhiên, trực tiếp điều chỉnh hành vi cộng đồng. Những kẻ đi địu tham lam, cố ý xâm phạm tài nguyên rừng, hay kẻ thất kính, mạo phạm thần thánh đều bị trừng phạt (*Truyền thuyết Hòn Dữ, Truyền thuyết ngôi miếu dưới chân Đèo Bánh Ít*), bọn bộ hạ của Thái tử bạo ngược, tàn sát dân lành cũng bị Bà đánh đắm thuyền của chúng rồi tạc chữ lên đá để răn đe (*Truyền thuyết Hòn Đá Chữ*). Qua đó, hệ thống truyền thuyết không chỉ phản ánh tín ngưỡng mà còn góp phần duy trì các chuẩn mực đạo đức và trật tự xã hội.

Một phương diện quan trọng khác là xu hướng lịch sử hóa nhân vật. Trong các truyện kể vệ tinh, Thiên Y A Na thường xuyên tương tác với những nhân vật lịch sử cụ thể của chính quyền bấy giờ như Nguyễn Văn Mại (*Chuyện Bà Thiên Y hiển linh tại Phủ đường Diên Khánh*), Nguyễn Văn Thành (*Truyền thuyết núi Hoàng Ngưu*), vua Thành Thái (*Truyền thuyết Miếu Chuột*). Sự xuất hiện của các nhân vật này không chỉ làm tăng tính xác thực cho truyện kể mà còn tạo ra mối liên kết giữa quyền lực thần linh và quyền lực thế tục, qua đó củng cố vị thế của Bà trong cả không gian tín ngưỡng lẫn lịch sử.

Đáng chú ý, hình tượng Thiên Y A Na trở thành một trung tâm tín ngưỡng đa chức năng, đáp ứng nhu cầu của

nhiều nhóm cư dân khác nhau. Tùy theo nhóm cư dân và môi trường sinh kế, Bà được nhìn nhận với những vai trò khác nhau. Với ngư dân, Bà là vị thần phù hộ cho nghề biển; với nông dân, Bà là thánh mẫu bảo trợ mùa màng; với người đi rừng, đặc biệt là dân đi địu tìm trầm, Bà trở thành Bà Chúa trầm, Bà Chúa rừng; còn với cư dân đô thị và thương nhân, Bà lại là phúc thần mang lại may mắn trong buôn bán. Sự đa dạng này phản ánh quá trình dung hợp tín ngưỡng Việt - Chăm và khả năng thích ứng linh hoạt của hình tượng thần linh trong đời sống xã hội.

Cuối cùng, nhật vật Thiên Y trong các truyền thuyết vệ tinh còn gắn chặt với không gian thực hành tín ngưỡng. Nhiều địa danh trong truyện kể đồng thời là nơi lập miếu thờ và diễn ra các nghi lễ thờ cúng Bà mẹ xứ sở, như Hòn Bà, Núi Hoàng Ngưu, Suối Đổ, Đèo Rọ Tượng… Các hoạt động dâng hương, lễ bái đã trở thành sinh hoạt văn hóa quen thuộc, góp phần hiện thực hóa niềm tin và duy trì sự hiện diện của Bà trong đời sống thường nhật.

Như vậy, thông qua quá trình bình dân hóa và lịch sử hóa, hình tượng Thiên Y A Na trong truyền thuyết vệ tinh không chỉ được kéo gần về phía đời sống mà còn trở thành một trung tâm tín ngưỡng - văn hóa đa chức năng, vừa bảo trợ, vừa giáo hóa và điều hòa đời sống tinh thần cộng đồng.

2.3.5. Hình thức tự sự giản lược cấu trúc, đời thường hóa ngôn ngữ và đan xen kỳ ảo và hiện thực

Về phương diện hình thức, các truyền thuyết vệ tinh về Thiên Y A Na cho thấy sự biến đổi rõ rệt trong nghệ thuật tự sự so với truyền thuyết trung tâm. Do ra đời muộn, hệ thống truyện kể này không còn đậm đặc yếu tố thần thoại sáng thế, mà chuyển sang các mô típ gắn với đời sống lịch sử và kinh nghiệm thực tiễn của cộng đồng, như quá trình khai phá, đấu tranh bảo vệ vùng đất, thời kỳ Tây Sơn - nhà Nguyễn hay các biến cố cận hiện đại.

Một đặc điểm nổi bật là xu hướng giản lược cấu trúc tự sự. Do ảnh hưởng của tư duy hiện đại, truyền thuyết vệ tinh về Thiên Y A Na có xu hướng rút gọn dung lượng, chỉ xoay quanh một sự kiện với ít sự việc, chi tiết tiêu biểu; kết cấu không còn đầy đủ ba phần như truyền thống mà mang tính ghi chép nhanh, súc tích, giảm kịch tính và cao trào. Số lượng truyện chỉ vài trăm chữ chiếm khá nhiều, chẳng hạn từ một đến ba trăm chữ có *Truyền thuyết Đền Quá Quan, Truyền thuyết núi Xương Huân và đền Sinh Trung*, *Truyền thuyết Gành Bà*. Tương ứng với đó là sự đời thường hóa ngôn ngữ kể chuyện: từ giọng điệu trang trọng, giàu yếu tố Hán Việt chuyển sang lối kể giản dị, gần khẩu ngữ, phù hợp với môi trường truyền miệng và khả năng ghi nhớ của cộng đồng.

Tuy nhiên, sự giản lược này không làm giảm sức biểu đạt, bởi các văn bản vẫn duy trì được tính tạo hình thông qua những chi tiết cụ thể, sinh động và giàu sức gợi. Một số truyện có lối kể khá li kì về các chi tiết hoang đường kì ảo, như ở Hòn Bà "thường có ma quỷ hiện hình" hay núi Diễn có "cọp đầu đàn ba chân sống trên trăm năm lúc ẩn lúc hiện". Cũng xuất hiện không ít truyện có những đoạn tả hoàn cảnh dân tình rất đơn giản nhưng chân thật: "…ở đây voi rất nhiều, chúng đi thành từng đàn lớn phá hoại mùa màng và uy hiếp người dân. Nhiều người nghĩ cách làm bẫy để bắt chúng nhưng không ăn thua gì vì chúng quá to lớn, hung dữ" (*Truyền thuyết Đèo Rọ Tượng*), "Ngày ngày cọp thường xuống đồng bằng bắt người và gia súc. Nó rất mạnh, tên bắn không thủng, bẫy nhử không mắc, gây đại hoạ cho đồng bào" (*Truyền thuyết Núi Hoàng Ngưu*). Nhiều truyện kể vệ tinh còn có những đoạn, câu miêu tả giàu chất trữ tình tạo cảnh sắc nên thơ, lãng mạn như những đêm trăng thanh gió mát, ánh vàng dát lên khắp núi rừng, phong cảnh huyền ảo, hữu tình: "núi non trùng trùng, điệp điệp", "trên đỉnh có mây phủ bao trắng quanh năm" (*Truyền thuyết Hòn Bà*); lúc Bà giáng thế "một đạo hào quang sắc xanh dài như một cây lụa xổ bay xuống núi, ánh sáng bừng lên khắp phía, rồi nghe liên tiếp ba tiếng sấm nổ vang lừng; hoặc tiếng chuông ngân vừa trong, vừa dài như tiếng vàng, tiếng ngọc" (*Truyền thuyết Hòn Chuông*). Các đoạn tả cảnh, tả tình thường gắn với đời sống thực tế như nạn cọp, voi, chuột phá hoại hay cuộc sống sinh hoạt sản xuất của cư dân, đồng thời xen kẽ những hình ảnh giàu chất trữ tình, góp phần khắc họa sinh động cảnh quan địa phương.

Từ đó hình thành một đặc trưng quan trọng là sự kết hợp giữa yếu tố kỳ ảo và chi tiết hiện thực. Nếu các mô típ hiển linh như "hào quang sáng chói", "tiếng sấm vang", "ánh sáng như dải lụa" tạo nên tính thiêng (*Truyền thuyết Hòn Chuông, Truyền thuyết Hòn Bà*), thì các chi tiết đời sống cụ thể như nạn cọp, voi, chuột phá hoại, đời sống sản xuất của cư dân lại mang đến cảm giác chân thực (*Truyền thuyết Đèo Rọ Tượng, Truyền thuyết Núi*

Hoàng Ngưu). Sự kết hợp này hình thành một kiểu hiện thực huyền ảo dân gian, nơi cái thiêng và cái đời không tách rời mà hòa quyện trong cùng một không gian tự sự.

Nhìn từ góc độ thi pháp, truyền thuyết vệ tinh về Thiên Y A Na thể hiện một mô hình tự sự đặc thù: lịch sử hóa - địa phương hóa - đời sống hóa - tín ngưỡng hóa. Chính sự kết hợp này tạo nên sức sống bền vững của hệ thống truyện kể, đồng thời khẳng định tính linh hoạt và khả năng thích ứng của văn học dân gian Khánh Hòa trong dòng chảy văn học dân gian Việt Nam.

Như vậy, dù ra đời muộn, truyền thuyết vệ tinh vẫn giữ vai trò quan trọng trong việc hoàn thiện hệ thống truyền thuyết về Bà mẹ xứ sở. Chuỗi truyền thuyết này sẽ tiếp tục được bổ sung bằng những bản kể mới, các truyện kể vệ tinh về Thiên Y A Na đã cho thấy khả năng vận động linh hoạt và sức sáng tạo liên tục của văn học dân gian Khánh Hòa trong đời sống văn hoá dân gian địa phương.

3. Kết luận

Từ việc khảo sát hệ thống truyền thuyết về Thiên Y A Na ở Khánh Hòa, có thể thấy tâm thức tôn kính và tín ngưỡng thờ Mẫu, hình tượng Bà mẹ xứ sở đã chi phối sâu sắc đến quá trình sáng tạo và lưu truyền truyện kể dân gian, qua đó góp phần hình thành nên một hệ thống truyền thuyết kết chuỗi xoay quanh hình tượng trung tâm. Trong hệ thống này, truyền thuyết trung tâm giữ vai trò kiến tạo thần tích và định hình mô hình biểu tượng, trong khi truyền thuyết vệ tinh tiếp tục triển khai, bổ sung và tái nghĩa hình tượng trong bối cảnh lịch sử - văn hóa cụ thể.

Dưới góc nhìn thi pháp kết hợp với lý thuyết trung tâm - ngoại vi, sự phát triển của truyền thuyết vệ tinh cho thấy một tiến trình vận động linh hoạt của thể loại trong một cấu trúc mở. Từ mô hình tự sự khởi nguyên, hệ thống truyện kể chuyển dần sang các hình thức gắn với đời sống hiện thực, với xu hướng cụ thể hóa không gian - thời gian, gia tăng yếu tố lịch sử và đan xen giữa cái thiêng và cái đời thực. Trong cấu trúc này, truyền thuyết vệ tinh không chỉ bổ sung cho lớp truyện trung tâm mà còn là không gian sáng tạo, nơi diễn ra quá trình địa phương hóa, lịch sử hóa và tái ý nghĩa hình tượng. Chính sự tương tác hai chiều đó đã tạo nên một kiểu tự sự đặc thù, đồng thời duy trì và không ngừng làm mới hình tượng Thiên Y A Na trong tâm thức cộng đồng cư dân Khánh Hòa qua nhiều thời kỳ.

Từ đó, có thể khẳng định, hệ thống truyền thuyết kết chuỗi về Thiên Y A Na là một hiện tượng tiêu biểu cho sức sống và khả năng biến đổi của văn học dân gian Khánh Hòa, đồng thời gợi mở hướng tiếp cận hệ thống - thi pháp đối với các hiện tượng truyền thuyết kết chuỗi trong văn học dân gian Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

Dégh, L., & Vázsonyi, A. (2001). *Legend and belief: Dialectics of a folklore genre*. Indiana University Press.

Even-Zohar, I. (2014). *Lý thuyết đa hệ thống trong nghiên cứu văn hóa, văn chương*. Thế giới.

Hoàng, L., Trần, V. K., & Võ, V. T. (2012). *Sự tích và truyền thuyết dân gian Khánh Hòa*. Văn hóa Dân tộc.

Hồ, Q. H. (2003). *Truyền thuyết Việt Nam và vấn đề thể loại*. Trẻ.

Jung, C. G. (1949). *Essays on a science of mythology*. Princeton University Press.

Lê, Đ. C. (1998). *Lễ hội Tháp Bà Nha Trang*. Văn hóa Dân tộc.

Ngô, Đ. T. (2007). Lý thuyết "trung tâm và ngoại vi" trong nghiên cứu không gian văn hóa. *Tạp chí Văn hóa Dân gian*, *(1)*.

Nguyễn, Đ. T. (1974). *Non nước Ninh Thuận – Phan Rang*. Sống Mới.

Nguyễn, Đ. T. (2003). *Non nước Khánh Hòa*. Thanh Niên.

Nguyễn, H. S. (1990). Pô Nagar, Bà mẹ xứ sở của dân tộc Chăm. Trong *Kỷ yếu ấn phẩm địa phương Khánh Hòa*. Hội Bảo vệ Văn hóa Truyền thống Dân tộc tỉnh Khánh Hòa.

Nguyễn, X. Đ. (2003). *Những vấn đề thi pháp học dân gian*. Khoa học Xã hội.

Quách, T. (2002). *Xứ Trầm Hương*. Trẻ.

Trần, Đ. S. (2008). *Giáo trình dẫn luận thi pháp học*. Giáo dục.

Từ điển Bách khoa toàn thư. (n.d.). *Chuỗi truyền thuyết*. https://bktt.vn/Chu%E1%BB%9

SATELLITE LEGENDS OF THE HOLY MOTHER THIEN Y A NA IN THE FOLK NARRATIVES OF KHANH HOA

Tran Thi Kim Thu
Khanh Hoa University, Viet Nam
Corresponding Author: Tran Thi Kim Thu - Email: tranthikimthu@ukh.edu.vn
Article History: Received on 16th April 2026; Revised on 29th May 2026; Published on 10th June 2026

Abstract: This paper investigates the system of legends surrounding the Holy Mother Thien Y A Na in Khanh Hoa, focusing on the salient characteristics of satellite legends in their correlation with the central legend. Adopting a systemic approach and analyzing the poetics of folk narratives, the study demonstrates that these satellite legends do not merely serve as appendages to the core narrative. Instead, they constitute a vital sequence of tales that actively participates in the construction of sacred spaces, the localization of the divine figure, and the preservation of communal cultural memory. Consequently, the legendary corpus of Thien Y A Na is conceptualized as an open narrative structure, reflecting the dynamic interplay between folk storytelling and religious practices in Khanh Hoa.

Key words: Thien Y A Na; legends; core; satellite; Khanh Hoa folklore.